

BÁO CÁO

**Tổng kết 04 năm thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND
ngày 27/4/2017 của HĐND huyện thông qua Đề án giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2017-2020 và định hướng thực hiện giảm nghèo
bền vững giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện Chương trình công tác trọng tâm năm 2022, Ủy ban nhân dân huyện Đông Giang báo cáo tổng kết 04 năm thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND huyện thông qua Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 (gọi tắt là NQ 03/HĐND) như sau:

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 03/NQ-HĐND
NGÀY 27/4/2017 CỦA HĐND HUYỆN**

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện NQ 03/HĐND

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện

- Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 đã có sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, trong đó Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG từ cấp xã, đến cấp huyện đã thực hiện hiện tốt vai trò của cơ quan tham mưu UBND huyện trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành chương trình; Cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của TW, của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của huyện, của xã đồng thời đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền đưa vào Nghị quyết hằng năm, 5 năm và xác định công tác giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng tâm xuyên suốt trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Cấp huyện: Năm 2014 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo huyện Đông Giang. Năm 2017 nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới được giao, UBND huyện đã sát nhập và thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện Đông Giang giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 06/6/2017.

- Cấp xã, thị trấn: 11/11 xã, thị trấn đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, bố trí cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phụ trách công tác giảm nghèo và bố trí cộng tác viên (là cán bộ không chuyên trách của Hội đoàn thể xã, thị trấn) tham mưu giúp UBND xã, thị trấn triển khai thực hiện công tác giảm nghèo theo Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh, Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam.

2. Công tác ban hành văn bản, chỉ đạo triển khai thực hiện

- Tham mưu Huyện ủy ban hành: Nghị quyết số 19-NQ/HU ngày 07/10/2016 của Huyện ủy Đông Giang về Hội nghị Huyện ủy lần thứ bảy (khóa XVIII) về giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 27-NQ/HU ngày 12/12/2017 của Huyện ủy về nhiệm vụ năm 2018; Nghị quyết số 31-NQ/HU ngày 27/9/2018 của Huyện ủy Đông Giang về điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015-2020.

- Tham mưu HĐND huyện ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐND, ngày 27/4/2017 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn huyện.

- Ban hành Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 17/3/2017 của UBND huyện về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn huyện Đông Giang; Đề án số 08/ĐA-UBND ngày 24/9/2018 Giảm nghèo bền vững huyện Đông Giang giai đoạn 2018-2020; Hằng năm ban hành Kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn huyện và giao chỉ tiêu giảm nghèo cho các địa phương; kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định.

3. Công tác tuyên truyền vận động

Nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người nghèo về giảm nghèo bền vững nhằm góp phần thực hiện mục tiêu chung của giảm nghèo bền vững thông qua việc cải tiến chất lượng và hiệu quả công tác truyền thông, làm cho người nghèo nhận thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc thoát nghèo; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, các ngành, các cấp trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về giảm nghèo. Trong những năm qua các cấp, các ngành của huyện đã tăng cường các hoạt động tuyên truyền về các chính sách, pháp luật về công tác giảm nghèo và đã đạt được những kết quả cụ thể như.

- Hình thức tuyên truyền chủ yếu là bằng hình thức đối thoại, nói chuyện trực tiếp, xây dựng chuyên mục phát thanh tuyên truyền và các hình thức trực quan như treo băng rôn, khẩu hiệu, Pano tại các điểm trung tâm của xã, thị trấn; nội dung tuyên truyền là các văn bản, chính sách của Trung ương, tỉnh, huyện.

- Hiệu quả của công tác tuyên truyền có trên 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo nhận thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc thoát nghèo; 100% người nghèo được tiếp cận thông tin và được hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ giảm nghèo tại địa phương; 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo và truyền thông ở các cấp được nâng cao năng lực, kỹ năng truyền thông, hiểu biết về chính sách giảm nghèo và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Phối hợp với Ủy ban MTTQVN huyện, các hội đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách về giảm nghèo và đào tạo nghề đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân với nhiều hình thức phong phú đa dạng, thực hiện tốt phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo”.

II. Kết quả thực hiện

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết

1.1. Về giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Qua 04 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 03/NQ-HĐND quy mô hộ nghèo giảm 1.430 hộ (từ 2.895 hộ nghèo vào cuối năm 2016 giảm còn 1.465 hộ nghèo vào cuối năm 2020); tỷ lệ hộ nghèo giảm 23,27% (từ 43,49% vào cuối năm 2016 giảm còn 20,22% vào cuối năm 2020), trong đó hộ nghèo DTTS chiếm 96,52% (1.414/1430 hộ). Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 5,82%, đạt, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (*giảm 5% hộ nghèo/năm*).

- Quy mô hộ cận nghèo giảm 276 hộ (từ 491 hộ cận nghèo vào cuối năm 2016 giảm còn 215 hộ vào cuối năm 2020); tỷ lệ hộ cận nghèo giảm 3,32% (từ 6,29% vào cuối năm 2016 giảm còn 2,97% vào cuối năm 2020). Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm bình quân hàng năm 0,83%, không đạt kế hoạch Nghị quyết đề ra (*giảm 2%/năm*).

- 08 xã nghèo đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, đến cuối năm 2020, hộ nghèo còn 1.174 hộ, với tỷ lệ 27,47% (cuối năm 2016, số hộ nghèo 2.170, với tỷ lệ 55,01%), giảm 27,54%, bình quân 6,88%/năm, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (*7%/năm*).

2.2. Về thu nhập

Tính đến năm 2020 có 51,4% hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo có thu nhập bình quân đầu người bằng chuẩn mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 (1.488/2.895 hộ). Không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (80%).

2.3. Về tiếp cận y tế

Tỷ lệ bao phủ y tế toàn dân đến 2020 đạt 96,03%. Không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (100%); 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo về thu nhập được cấp miễn phí thẻ BHYT; các chính sách hỗ trợ về y tế cho nhân dân thực hiện kịp thời và đầy đủ.

2.4. Về tiếp cận giáo dục

Năm 2020 có 99,52% trẻ em trong độ tuổi đi học (05 tuổi) được tiếp cận giáo dục; tỷ lệ trẻ em bỏ học còn 0,11% (7/6.298HS); 18,84% hộ nghèo, 18,6% hộ cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí giáo dục người lớn (316/1.465 hộ); 100% học sinh thuộc các đối tượng hỗ trợ của nhà nước được thụ hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ theo quy định.

2.5. Về nhà ở

- Có 67,51% hộ nghèo có nhà ở đảm bảo chất lượng; không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (80%).

- Có 62,80% hộ nghèo có diện tích nhà ở đảm bảo về diện tích; không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (70%).

2.6. Về tiếp cận nước sạch và hồ xí hợp vệ sinh

- 97,82% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh; không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (100%).

- 28,98% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (50%).

2.7. Về tiếp cận thông tin

- Đầu cuối năm 2020 có 87,37% hộ nghèo, 96,28% hộ cận nghèo tiếp cận thông tin (Sử dụng dịch vụ viễn thông), không đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (100%).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Nghị quyết

2.1. Công tác điều tra, rà soát, phân loại hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo mới tiếp cận đa chiều 2016-2020

Thực hiện theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của TW, tỉnh về điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. UBND huyện đã chỉ đạo ngành chuyên môn hằng năm tham mưu xây dựng Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tổ chức 03 cụm tập huấn nghiệp vụ cho các xã, thị trấn. Ban Chỉ đạo điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hợp phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc đứng điểm chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức rà soát.

Việc tuyên truyền mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được các địa phương chú trọng triển khai. Cấp ủy, Chính quyền, Mặt trận và các Hội đoàn thể đều vào cuộc một cách quyết liệt. Trước khi thực hiện rà soát các xã, thị trấn đều tổ chức họp thôn phổ biến các nội dung, văn bản liên quan liên quan đến công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để nhân dân biết làm đơn đăng ký rà soát.

Tuy nhiên bộ công cụ điều tra, rà soát hộ nghèo tiếp cận đa chiều Trung Ương ban hành có nhiều tiêu chí không phù hợp với điều kiện miền núi, dẫn đến việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo còn nhiều khó khăn, bất cập.

2.2. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Tổng kinh phí đã huy động để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững từ giai đoạn 2016-2020 đạt trên 777,1 tỷ đồng, trong đó kinh phí thực hiện các chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chính sách giảm nghèo của Quốc gia là 728,8 tỷ đồng, chương trình, chính sách giảm nghèo của tỉnh là 48,3 tỷ đồng.

Cùng với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thì Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới cũng đã đồng hành và huy động, bố trí được trên 124,457 tỷ đồng.

Bên cạnh các chương trình, chính sách từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho công tác giảm nghèo, UBND huyện đã chỉ đạo, vận động các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp thực hiện tốt các công tác kết nghĩa giúp đỡ các thôn, xã trên địa bàn huyện, trong đó tập trung giúp đỡ, hỗ trợ cho hộ nghèo đăng ký thoát nghèo, hộ nghèo chính sách người có công; phát huy Phong trào “Chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; cuộc vận động gây Quỹ “Ngày vì người nghèo”, Quỹ cứu trợ của MTTQ các cấp, các phong trào hỗ trợ hộ nghèo của các đoàn thể chính trị xã hội, của các tổ chức, nhóm thiện nguyện, nhà hảo tâm trong xã hội; chủ động, tích cực tiếp cận các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để vận động hỗ trợ thực hiện công tác giảm nghèo, nhận giúp đỡ, hỗ trợ hộ nghèo, thôn, xã nghèo.

2.3. Kết quả tổ chức điều hành, thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội

a) Kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

UBND huyện đã chỉ đạo các ngành liên quan về công tác giảm nghèo, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các dự án Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

Trong giai đoạn 2016-2020, Nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh, ngân sách địa phương bố trí 228,704 tỷ đồng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Triển khai thực hiện 04 dự án hợp phần của Chương trình gồm: Chương trình 30a đã đầu tư xây dựng 14 công trình xây mới, 35 công trình sửa chữa, 17 công trình chuyển tiếp, với tổng kinh phí 132,916 tỷ đồng; tập huấn nâng cao năng lực cho 431 lượt cán bộ làm công tác giảm nghèo, xuất khẩu lao động cấp huyện, xã, thôn, với tổng kinh phí 564,24 triệu đồng; Chương trình 135 đã đầu tư xây dựng 53 công trình xây mới, 52 công trình sửa chữa, 56 công trình chuyển tiếp cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện, với tổng kinh phí 56,331 tỷ đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, cung cấp hỗ trợ cây, con giống cho 5.129 hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, với tổng kinh phí 36,992 tỷ đồng, sau khi đầu tư hỗ trợ cây giống, con vật nuôi các nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo đã thay đổi tư tưởng sản xuất từ sản xuất dựa vào tự nhiên, lạc hậu không chăm sóc sang hình thức quan tâm, giữ gìn, chăm sóc cây trồng, con vật nuôi được hỗ trợ, biết áp dụng kỹ thuật thâm canh vào sản xuất để tạo ra sản phẩm hàng hoá, biết kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm làm ra để có thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững; tổ chức hơn 20 đợt truyền thông, thông tin về các chính sách giảm nghèo cho hơn 2.000 lượt hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo, nên từ năm 2017 đến nay đã có 908 hộ nghèo, 320 hộ cận nghèo mạnh dạn tự nguyện viết đơn đăng ký thoát nghèo bền vững theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của HĐND tỉnh và kết quả đạt được có 827 hộ nghèo thoát nghèo, 233 hộ cận nghèo thoát cận nghèo bền vững theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND;

Hàng năm HĐND huyện, các cơ quan, ban, ngành đoàn thể liên quan phối hợp thực hiện tốt công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình đảm bảo theo đúng nội dung yêu cầu của Thông tư 39/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 25/10/2016. Nhờ làm tốt công tác kiểm tra, giám sát tại các địa phương, cũng như các cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư các dự án Chương trình nên những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc được điều chỉnh, giải quyết kịp thời nên việc giải ngân, cũng như việc triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, thời gian và kế hoạch vốn giao.

b) Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Quốc gia

- Chính sách giáo dục: Thực hiện hỗ trợ 743,360 tấn gạo cho học sinh; thực hiện cấp hỗ trợ tiền ăn, ở cho 1.669 học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, với số tiền trên 17,3 tỷ đồng; Thực hiện chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP cho 26.648 lượt trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông, với tổng kinh phí: 11,5

tỷ đồng; hỗ trợ tiền ăn trưa cho 2.066 trẻ em 3-5 tuổi theo Quyết định số 06/2018/QĐ-TTg, với số tiền: 7,2 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ dạy nghề gắn với việc làm: Thực hiện mục tiêu phát triển đào tạo nghề và giải quyết việc làm theo hướng tích cực, có chất lượng và tạo thu nhập cho người lao động nhằm giảm nghèo bền vững. Phối hợp với các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh mở 05 lớp nghề nông nghiệp và 04 lớp phi nông nghiệp cho 420 lao động nông thôn, với tổng kinh phí là 550 triệu đồng.

- Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo: Từ năm 2016-2020, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đã thực hiện cho vay 15.720 hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, với tổng kinh phí thực hiện 401,8 tỷ đồng.

- Chính sách hỗ trợ nhà ở: Hoàn thành hỗ trợ cho vay vốn 251 hộ nghèo để xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, với tổng kinh phí hộ nghèo vay xây dựng nhà ở là 6,275 tỷ đồng; Hỗ trợ xây dựng 04 nhà ở phòng tránh bão, lụt cho hộ nghèo theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg, với tổng kinh phí 64 triệu đồng.

- Chính sách về Y tế: Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%, qua gần năm đã thực hiện in và cấp 81.101 thẻ BHYT miễn phí cho người nghèo, đồng bào DTTS, người dân sinh sống vùng ĐBKK, với tổng kinh phí trên 48,4 tỷ đồng. Đội ngũ cán bộ y tế cơ sở được tăng cường, 100% thôn có nhân viên y tế. Cơ sở vật chất các trạm y tế được quan tâm đầu tư nâng cấp, duy trì cơ sở vật chất các trạm y tế được quan tâm đầu tư nâng cấp, duy trì 05 trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia (xã Sông Kôn, Xã Tư, xã Ba, A Ting và Jơ Ngây).

- Chính sách hỗ trợ nâng cao đời sống cho hộ nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg: Thực hiện hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt 3.446,4 triệu đồng cho bình quân hằng năm trên 12.000 khẩu thuộc hộ nghèo.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: Từ năm 2016-2020 thực hiện cho trả hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, với tổng kinh phí 7,5 tỷ đồng.

c) Kết quả thực hiện một số chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù của tỉnh

- Về Nghị quyết 13/2017/NQ-HĐND: Từ năm 2017-2020, tổng số hộ nghèo thoát nghèo bền vững là 1.005 hộ, số hộ cận nghèo thoát cận nghèo bền vững 337 hộ; các chính sách hỗ trợ tiền thưởng cho hộ nghèo, cộng đồng thôn, hỗ trợ về y tế, giáo dục, tín dụng cho hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo bền vững được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ từ 2017-2020 trên 13,2 tỷ đồng.

- Về Nghị quyết 12/2017/NQ-HĐND ngày 14/4/2017 của HĐND tỉnh về triển khai hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư: Từ năm 2017-2020 thực hiện hỗ trợ cho 724 hộ dân, với tổng kinh phí 34,15 tỷ đồng.

- Về Nghị Quyết 12/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND tỉnh về hỗ trợ đào tạo lao động cho các Chương trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh: Từ năm 2016 đến nay, đã mở lớp đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho 77 học viên lao động theo Nghị quyết 12/2016/NQ-HĐND ngày 19/7/2016 của HĐND

tỉnh, Nhìn chung, việc triển khai thực hiện chính sách đào tạo nghề theo Nghị quyết 12/2016/NQ-HĐND trên địa bàn huyện đã được thực hiện tốt, công tác thông tin, tuyên truyền chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm được thực hiện hằng năm, thường xuyên và xuyên suốt đã tác động mạnh mẽ tới lực lượng lao động trên địa bàn huyện, mặc dù số lượng đăng ký tham gia theo các chương trình còn thấp nhưng chuyển biến trong nhận thức của người dân khá rõ rệt, một bộ phận lớn đã chủ động đi làm việc tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, đem lại thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần xóa đói, giảm nghèo. *(Hiện nay có trên 1.200 lao động đang đi làm tại các công ty, doanh nghiệp).*

- Về Nghị quyết Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh: UBND huyện Đông Giang Ban hành Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 về phê duyệt danh sách người theo dõi, thực hiện công tác công tác giảm nghèo và danh sách cộng tác viên giảm nghèo cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Giang. Tổng kinh phí thực hiện chi trả cho cán bộ giảm nghèo và cộng tác viên giảm nghèo các xã, thị trấn từ năm 2018 đến năm 2020 là: 391,57 triệu đồng.

- Về Nghị quyết 49/2018/NQ-HĐND, ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh: UBND huyện Đông Giang đã ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí cải thiện mức sống cho các đối tượng thuộc hộ nghèo đang hưởng chính sách người có công cách mạng và bảo trợ xã hội cho 131 đối tượng và đã thực hiện chi trả với tổng kinh phí 674,52 triệu đồng.

2.4. Công tác kiểm tra giám sát, đánh giá thực hiện chính sách giảm nghèo

Hằng năm, UBND huyện, các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo, nhất là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; trên cơ sở phân công theo dõi, chỉ đạo thực hiện của thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Chỉ đạo đã tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tại các địa phương, hướng dẫn thực hiện, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, kịp thời phát hiện và khắc phục các sai sót từ khâu rà soát đánh giá, phân bổ nguồn lực và thực hiện chương trình, góp phần đẩy nhanh giảm nghèo trên địa bàn huyện.

III. Đánh giá chung

1. Những kết quả đạt được

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 03, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, HĐND huyện, chỉ đạo điều hành quyết liệt của UBND huyện, sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, địa phương, Mặt trận và các hội đoàn thể, công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện đã có chuyển biến tích cực cụ thể như: Hình thành bộ máy chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác giảm nghèo từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn. Đồng thời đã có sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, đặc biệt sự hỗ trợ, giúp đỡ của các phòng ban chuyên môn, các hội đoàn thể của huyện hướng dẫn các xã trong quá trình thực hiện; Nhận thức của người dân có sự chuyển biến tích cực; trình độ chuyên môn của cán bộ thực hiện công tác giảm

nghèo cấp huyện, xã, thôn được nâng lên; Các chính sách, chương trình về công tác giảm nghèo được người dân tiếp cận và được hỗ trợ đầy đủ các chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; Kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội dần được hoàn thiện cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, đời sống tinh thần của người dân. Bộ mặt nông thôn có nhiều chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Năng suất, chất lượng và giá trị các sản phẩm nông lâm nghiệp và giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích nâng dần qua từng năm góp phần tăng thu nhập và giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm đạt 5,82%, đạt, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (*giảm 5% hộ nghèo/năm*).

2. Những tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực, cũng như nhận thức của người dân trong một số lĩnh vực công tác giảm nghèo vẫn chưa thật sự hiệu quả như công tác đào tạo nghề và xuất khẩu lao động.

- Các cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện các dự án Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, thành viên Ban Chỉ đạo các cấp chưa phát huy vai trò trách nhiệm được phân công. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành thiếu chặt chẽ và đồng bộ.

- Tỷ lệ hộ nghèo tuy giảm nhanh qua từng năm nhưng kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tái nghèo theo giai đoạn, số hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ yếu là người dân tộc thiểu số chiếm trên 95% trên tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn huyện; Công tác lãnh, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo ở một số địa phương chưa kịp thời, thiếu đồng bộ, không có kế hoạch, giải pháp giảm nghèo cụ thể cho từng thôn, nhóm hộ nghèo; công tác điều tra, rà soát xác nhận hộ nghèo, cận nghèo, phân loại hộ nghèo theo nguyên nhân nghèo còn nhiều sai sót.

- Bộ công cụ đánh giá, rà soát hộ nghèo của cấp trên đưa ra, cũng như công tác rà soát, điều tra, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo tại một số địa phương chưa phản ánh đúng thực trạng về hộ nghèo, cận nghèo.

- Số hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về chỉ số tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản nhiều như nhà ở, sử dụng thông tin và đặc biệt là tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu hụt về chỉ số hố xí, nhà tiêu hợp vệ sinh còn khá cao trên 90%.

- Năng lực quản lý, điều hành tổ chức thực hiện của cán bộ một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác bình xét đối tượng hưởng lợi, lựa chọn nội dung đầu tư một số thôn, xã chưa đảm bảo tính công khai, dân chủ. Công tác chỉ đạo, quản lý thực hiện chương trình ở một số xã còn nhiều lúng túng, bất cập. Công tác kiểm tra giám sát sau đầu tư của các xã, thị trấn chưa được quan tâm chú trọng.

3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Xuất phát điểm kinh tế, xã hội thấp; địa hình phức tạp, độ dốc lớn, thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường ... Trình độ dân trí thấp, tập quán sản xuất của đồng bào Cốt Lự còn lạc hậu. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ ở cơ sở yếu về năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện, trình độ, năng lực còn hạn chế, ảnh hưởng lớn đến

việc lập dự án, triển khai thực hiện các chính sách, chế độ các dự án đầu tư; tính trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của nhà nước vẫn còn trong tư tưởng của một số bộ phận người dân, nhất là hộ nghèo, hộ lười lao động.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý các xã chưa thật sự tập trung, thiếu quyết liệt. Phương pháp điều hành, tổ chức thực hiện chương trình một số địa phương, phòng, ban chuyên môn huyện chưa khoa học và chưa sát với tình hình thực tế, chưa xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện từng tiêu chí, chương trình.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách giảm nghèo chưa được triển khai một cách thường xuyên, liên tục.

- Số hộ nghèo hàng năm vẫn còn phát sinh, có nhiều hộ không có khả năng thoát nghèo (hộ không có khả năng lao động, hộ có người ốm đau dài ngày, hộ có người hưởng bảo trợ xã hội...).

- Cơ chế thu hút đầu tư chưa đủ mạnh nên số lượng các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất vào còn hạn chế chưa tạo ra được việc làm thu nhập cho người dân.

IV. Bài học kinh nghiệm

1. Các cấp ủy Đảng, Chính quyền phải bám sát thực tiễn của địa phương, đề ra các chủ trương, giải pháp sát đúng, phù hợp với nguồn lực và được sự đồng thuận cao trong nhân dân. Hệ thống chính trị vào cuộc quyết liệt, đồng bộ; phát huy tối đa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các Cấp ủy Đảng, Chính quyền ở cơ sở trong việc tổ chức triển khai thực hiện. Qua thực tế cho thấy nơi nào cấp ủy, chính quyền đoàn thể thực sự quan tâm vào cuộc thường xuyên, quyết liệt thì trong hoàn cảnh khó khăn vẫn tạo ra sự chuyển biến rõ nét, hiệu quả bất phá hơn.

2. Duy trì một cách thường xuyên, có chiều sâu công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền, khơi dậy được lòng dân tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp trong suốt quá trình triển khai thực hiện.

3. Lòng ghép tuyên truyền, vận động, tổ chức quán triệt, phổ biến các chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác giảm nghèo thực hiện thường xuyên, liên tục và sát với tình hình thực hiện của địa phương, từ đó làm thay đổi nhận thức, tư duy, cũng như những chính sách được đến gần với người dân hơn; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác giảm nghèo tại địa phương để từ đó tạo ra một đội ngũ cán bộ có chất lượng để tham mưu xây dựng các chính sách mới, phù hợp và có tính đột phá để triển khai các chính sách giảm nghèo đạt hiệu quả cao.

4. Sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan cấp huyện và giữa cấp huyện với các địa phương trong việc tham mưu và tổ chức chỉ đạo thực hiện cũng như hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Chương trình phải chặt chẽ, phải trách nhiệm hơn.

5. Các đơn vị, địa phương được giao làm chủ đầu tư phải xác định đúng nhu cầu cần được hỗ trợ của các đối tượng hưởng lợi; không hỗ trợ dàn trải mà

phải tập trung hỗ trợ cho những đối tượng thật sự có nhu cầu; sau khi thực hiện hỗ trợ cho người dân, phải thường xuyên phối hợp với cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Mặt trận đoàn thể địa phương trong việc kiểm tra, nắm tình hình chăm sóc, sinh trưởng, tình hình dịch bệnh, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chăm sóc của người dân để có biện pháp tháo gỡ kịp thời.

6. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện đối tượng thụ hưởng thiếu tích cực trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng (nhất là con giống) thì phải kiên quyết kiểm điểm và chủ động chuyển nội dung hỗ trợ (nhất là con giống cho hộ khác) có nhu cầu thật sự.

7. Để thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo, không chỉ hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo sự liên kết, thông thương hàng hóa, mà đòi hỏi phải có cơ chế để người nghèo tiếp cận được nguồn vốn, tổ chức phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, hỗ trợ chi phí học tập cho con em hộ nghèo, cải thiện nhà ở, môi trường và nước sinh hoạt..., chỉ thông qua chính sách tín dụng mới thực sự giúp cho người nghèo cải thiện chất lượng cuộc sống, tiếp cận đầy đủ hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản từ đó nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững.

Phần thứ hai **ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG** **GIAI ĐOẠN 2021-2025**

I. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

Trung ương ban hành nhiều chính sách mới về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; tỉnh Quảng Nam sẽ tiếp tục dành nguồn lực để tập trung phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi gắn với thực hiện một số dự án vùng Tây tỉnh Quảng Nam.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được đầu tư xây dựng trên địa bàn, cùng với những tiềm năng, lợi thế của địa phương đang ngày càng được phát huy sẽ có thêm điều kiện để huyện đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian đến.

2. Khó khăn, thách thức

Đời sống người dân còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, lực lượng lao động trong nông nghiệp còn lớn, đa số chưa qua đào tạo, khả năng tiếp thu khoa học, công nghệ còn hạn chế; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nguồn lực tự huy động đầu tư vào sản xuất còn quá thấp so với nhu cầu phát triển, thu ngân sách trên địa bàn huyện còn gặp khó khăn, nguồn thu không ổn định, chưa đáp ứng được nhiệm vụ chi, chủ yếu là dựa vào sự hỗ trợ của ngân sách Trung ương, của tỉnh.

Thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp; những thách thức về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường sẽ gây những khó khăn nhất định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhất là sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.

II. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Tiếp tục duy trì kết quả giảm nghèo bền vững đạt được trong những năm qua, đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đáp ứng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII.

- Phát huy vai trò, tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các Hội, đoàn thể và toàn thể Nhân dân trên địa bàn huyện trong tổ chức thực hiện công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 nhằm “Chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời và có hiệu quả các giải pháp giảm nghèo bền vững, nhất là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững nhằm tạo cơ hội, điều kiện cho người nghèo, cận nghèo, tiếp cận thụ hưởng để phát triển kinh tế, tăng thu nhập và thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, cải thiện và từng bước ổn định đời sống vật chất, tinh thần, vươn lên thoát nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo giảm nghèo thực chất, bền vững, không chạy theo thành tích. Tập trung nguồn lực hỗ trợ cho hộ nghèo người có công, hộ đăng ký thoát nghèo và địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao.

- Các giải pháp giảm nghèo phải được xây dựng, tổ chức thực hiện kịp thời, phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng và khả năng cân đối ngân sách; Công khai, dân chủ, minh bạch trong thực hiện các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo, khuyến khích thoát nghèo, điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm. Đặc biệt các đối tượng tham gia dự án hỗ trợ giảm nghèo phải đảm bảo các điều kiện để tham gia dự án và cam kết thoát nghèo bền vững.

- Phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, có sự tham gia vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị từ huyện đến xã, thôn trong huy động, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo và địa bàn nghèo; khơi dậy tinh thần chủ động, tích cực vươn lên của hộ nghèo, hộ cận nghèo trong tham gia học nghề, tổ chức sản xuất, tạo việc làm và thu nhập ổn định, bền vững.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới, hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, vệ sinh, thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cho các xã, thôn; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn dưới 25%¹, tương ứng giảm 2.005 hộ; tỷ lệ nghèo giảm bình quân trên 6%/năm.

- Về thu nhập: Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn với lãi suất ưu đãi để phát triển sản xuất, tăng thu nhập; 100% lao động thuộc gia đình hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu học nghề được đào tạo nghề, trong đó phần đầu ít nhất 90% có việc làm ổn định sau đào tạo; 100% hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo được hỗ trợ phát triển sản xuất, tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật; 800 hộ được hỗ trợ các mô hình giảm nghèo bền vững. Đến năm 2025 có 80% hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo đạt mức thu nhập bình quân đầu người từ chuẩn mức sống trung bình trở lên (theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ); 100% hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội được hỗ trợ các chính sách an sinh xã hội theo quy định.

- Về tiếp cận y tế: Phần đầu tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đến năm 2025 đạt 100%, duy trì 100% người nghèo, cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí. 100% người dân thuộc hộ nghèo, cận nghèo ốm đau đều được khám, chữa bệnh.

- Về tiếp cận giáo dục: Phần đầu 100% trẻ em trong độ tuổi đi học được tiếp cận giáo dục (trừ trẻ em khuyết tật, bệnh nặng không thể đi học), giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học xuống dưới 0,5%, không để phát sinh hộ nghèo, cận nghèo thiếu hụt về tiêu chí giáo dục người lớn. 100% người học thuộc các đối tượng hỗ trợ của Nhà nước được thụ hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ theo quy định.

- Về nhà ở: Những hộ nghèo có khó khăn về nhà ở được hỗ trợ kinh phí, vay vốn để xây mới, sửa chữa, cải thiện nhà ở; phần đầu đến năm 2025 có 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo được ở nhà từ bán kiên cố trở lên, đảm bảo về tiêu chí theo quy định.

- Về tiếp cận nước sạch và vệ sinh: Phần đầu đến năm 2025 tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn huyện được tiếp cận nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 75%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo sử dụng nước sạch đạt 50%; tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 70%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 50%.

- Về tiếp cận thông tin: Phần đầu đến năm 2025 tỷ lệ hộ dân tiếp cận thông tin (sử dụng ti vi, radio, điện thoại, nghe loa, đài tuyên thanh...) đạt 90%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận thông tin đạt 80%.

IV. Nhiệm vụ và giải pháp

1. Nhiệm vụ

¹ Chỉ tiêu này được xác định trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết số 37/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Nam 2022-2025. Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, cuối năm 2021 toàn huyện có 3.905 hộ nghèo (trong đó có 727 hộ nghèo không có khả năng lao động, số hộ nghèo còn lại có thể tác động để giảm nghèo là 3.178 hộ)

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác giảm nghèo theo hướng dẫn của TW, tỉnh; Tăng cường công tác phối hợp với các ngành liên quan từ huyện đến xã trong công tác giảm nghèo.

- Triển khai điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo đúng thời gian, quy trình quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động – TB&XH hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác giảm nghèo huyện, xã.

- Tăng cường và thực hiện tốt công tác huy động nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo đạt kế hoạch đề ra.

- Thực hiện quản lý, phân bổ nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo.

- Tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá Chương trình hỗ trợ giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 và xây dựng ban hành kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

2. Giải pháp

a) Giải pháp về nhận thức

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chỉ đạo của chính quyền, phối hợp giám sát của MTTQ, các hội đoàn thể để nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững, đặc biệt là công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho người nghèo nói chung và người nghèo ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa nói riêng hiểu được trách nhiệm vươn lên thoát nghèo, không ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Kịp thời động viên, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể, tổ chức, đơn vị có nhiều đóng góp, hoàn thành tốt các nhiệm vụ trong công tác giảm nghèo đặc biệt là các hộ gia đình nghèo, thôn nghèo, xã nghèo thoát nghèo bền vững, đồng thời phê phán các trường hợp lợi dụng chính sách, không có ý chí vươn lên, không muốn thoát nghèo.

b) Giảm pháp về cơ chế, chính sách

- Đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG

phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025.

- Tổ chức thực hiện tốt có hiệu quả các dự án trong Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ được ngân sách Trung ương bố trí vốn, đặc biệt chú trọng đến dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

+ Hỗ trợ sinh kế cho người nghèo với điều kiện hộ đăng ký thoát nghèo có tham gia dự án, có khả năng lao động thì mới hỗ trợ, không hỗ trợ dãn trải. Đối với nội dung hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi thì tập trung hỗ trợ các loại giống có kinh tế khả năng sinh lợi cao và đúng định hướng cây con của huyện để hộ có thể thoát nghèo trong ngắn hạn.

+ Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp các điều kiện, đặc điểm, nhu cầu sản xuất của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, đảm bảo công khai, dân chủ có sự tham gia dự án có điều kiện về đất đai, lao động và tư liệu sản xuất đáp ứng với nội dung của dự án và cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký.

- Về chính sách hỗ trợ cải thiện các dịch vụ xã hội cơ bản

Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, huyện về hỗ trợ giáo dục, y tế và dinh dưỡng, nước sạch, vệ sinh, hỗ trợ về nhà ở, hỗ trợ về trợ giúp pháp lý, hỗ trợ về thụ hưởng văn hóa, thông tin cho hộ nghèo, cận nghèo và hộ mới thoát nghèo.

- Thực hiện tốt chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững, sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới áp dụng cho giai đoạn 2022-2025.

c) Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Triển khai thực hiện đồng bộ có hiệu quả về chính sách giảm nghèo nâng cao tiếp cận các dịch vụ xã hội cho hộ nghèo, cận nghèo, tăng cường thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh, thiên tai nhằm tránh và giảm thiểu thiệt hại do yếu tố khách quan mang lại, thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi về giáo dục đối với học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Trung ương, tỉnh; thực hiện tốt việc cấp thẻ BHYT để khám và chữa bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm đảm bảo chính xác, khách quan, phân loại, lập danh sách và hồ sơ quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tập trung bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và cộng tác viên làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, thị trấn.

- Thực hiện tốt chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 theo quy định mới của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện thường xuyên bám sát địa bàn phụ trách, theo dõi nắm bắt và tăng cường trách nhiệm công tác theo địa bàn phụ trách.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

d) Giải pháp về huy động nguồn lực

- Huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, dự án giảm nghèo, khuyến khích nguồn lực của cộng đồng, người dân.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các Chương trình MTQG nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

- Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện Kế hoạch giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: 772.404,8 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 716.685,8 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện): 35.311,0 triệu đồng.

+ Vốn huy động (bao gồm hiến đất, ngày công lao động, đối ứng để thực hiện các chính sách của nhân dân): 20.408,0 triệu đồng.

Phần thứ ba KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo của huyện, kính đề nghị HĐND huyện xem xét, ban hành nghị quyết mới về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 27/4/2017 của HĐND huyện thông qua Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 và định hướng công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Kính trình HĐND huyện khóa XII, kỳ họp thứ 6 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH (B/c);
- BTV Huyện uỷ (B/c);
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- BTT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XII;
- C, PVP;
- Lưu: VT, LĐTBXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**